



BỘ NGOẠI GIAO
ỦY BAN BIÊN GIỚI QUỐC GIA

BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN **VIỆT NAM - CĂMPUCHIA**



TÀI LIỆU

**DỰ ÁN HỢP TÁC "GIÁO DỤC NHẬN THỨC PHÁP LUẬT
TẠI CÁC VÙNG BIÊN GIỚI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" GIAI ĐOẠN 3 (LASRAI III)**

BỘ NGOẠI GIAO
ỦY BAN BIÊN GIỚI QUỐC GIA

**BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN
VIỆT NAM - CĂMPUCHIA**

Dự án được sự trợ giúp của Bộ Di trú
và Quốc tịch Ôxtrâylia

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	5
A. GIỚI THIỆU ĐƯỜNG BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - CĂMPUCHIA.....	7
1. Khái quát đường biên giới	8
2. Địa hình khu vực	10
3. Hệ thống sông suối	11
4. Đặc điểm khí hậu, thời tiết	15
5. Hệ thống giao thông và dân cư	16
6. Cửa khẩu biên giới.....	18
B. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH ĐƯỜNG BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - CĂMPUCHIA.....	24
1. Biên giới Nam Kỳ - Campuchia.....	25
2. Biên giới Trung Kỳ - Campuchia.....	26
C. TÓM TẮT TIẾN TRÌNH ĐÀM PHÁN GIẢI QUYẾT BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - CĂMPUCHIA.....	29
1. THỜI KỲ 1979 - 1990.....	29
2. THỜI KỲ 1990 - 2006	34
D. CÔNG TÁC PHÂN GIỚI CẨM MỐC BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - CĂMPUCHIA.....	39
1. Tổ chức thực hiện.....	39
2. Ý nghĩa công tác PGCM biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia.....	42

G. QUAN HỆ VIỆT NAM - CĂMPUCHIA TRONG THỜI GIAN GẦN ĐÂY.....	44
1. Quan hệ chính trị.....	44
2. Quan hệ quốc phòng, an ninh.....	46
3. Quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư.....	47
4. Quan hệ văn hoá, giáo dục, xã hội.....	50

LỜI MỞ ĐẦU

Đường biên giới trên đất liền Việt Nam và Campuchia có chiều dài khoảng 1.137 km (tính từ ngã ba biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia đến sát mép biển Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang), đi qua 10 tỉnh của Việt Nam là Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang và Kiên Giang. Trong gần nửa thế kỷ qua, giữa hai nước đã tiến hành nhiều đợt đàm phán giải quyết các vấn đề về biên giới lãnh thổ. Đến nay, hai bên đã ký kết được nhiều văn kiện cơ bản về biên giới nhằm xây dựng biên giới hữu nghị lâu dài Việt Nam - Campuchia, góp phần bảo vệ an ninh biên giới, tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân hai nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc làm ăn sinh sống của nhân dân hai bên trong khu vực biên giới.

Đường biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Campuchia đã được hoạch định trong Hiệp ước Hoạch định biên giới ký ngày 27/12/1985 và Hiệp ước bổ sung Hoạch định biên giới ký ngày 10/10/2005. Trên cơ sở hai Hiệp ước này, Việt Nam và Campuchia đã thoả thuận xúc tiến công tác phân giới cắm mốc đường biên giới trên đất liền hai nước từ đầu năm 2006.

Với mục đích cung cấp thông tin và nâng cao nhận thức về biên giới Việt Nam - Campuchia; góp phần giúp cho những người làm công tác biên giới và nhân dân trong khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia hiểu rõ về biên giới Việt Nam - Campuchia. Ủy ban Biên giới quốc gia, Bộ Ngoại giao biên soạn và phát hành cuốn sách ***“Biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia”***.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

A. GIỚI THIỆU ĐƯỜNG BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - CĂMPUCHIA



Bản đồ biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia

1. Khái quát đường biên giới

Nước CHXHCN Việt Nam và Vương quốc Campuchia có chung đường biên giới trên đất liền với chiều dài khoảng 1.137 km (điểm khởi đầu tại vị trí ngã ba biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia, điểm cuối ở trên bờ biển tiếp giáp giữa tỉnh Kiên Giang và tỉnh Kăm-Pốt) đi qua 10 tỉnh biên giới của Việt Nam là Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang và Kiên Giang; tiếp giáp với 09 tỉnh biên giới của Campuchia là Ra-Ta-Na-Ki-Ri, Môn-Đun-Ki-Ri, Công-Pông-Chàm, Ca-Ra-Chê, Svey-Riêng, Prây-Veng, Kần-Đan, Tà-Keo và Kăm-Pốt.

Căn cứ Hiệp ước về nguyên tắc giải quyết các vấn đề biên giới giữa hai nước ký ngày 20-7-1983 và Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia Việt Nam - Campuchia ký ngày 27-12-1985, đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia được xác định trên cơ sở tôn trọng thực tế lịch sử ở thời điểm hai nước giành được nền độc lập. Về mặt địa hình, đường biên giới có hai loại địa hình đặc trưng là vùng đồng bằng và vùng núi, với hơn 500 km đường biên giới đi theo sông suối. Về hướng đi của đường biên giới, có 90 điểm chuyển hướng, 34 điểm cắt khe hoặc cắt sông suối, 18 điểm cắt đường giao thông, 24 điểm cao xác định, 12 đỉnh núi, 67 đoạn kẻ thẳng (tổng chiều dài khoảng 330 km), 16 điểm gặp bờ sông suối, 4 điểm gặp hợp lưu hoặc ngã ba và một số điểm đặc trưng khác.

Đường biên giới trên đi qua các tỉnh biên giới của Việt Nam và Campuchia, cụ thể như sau:

- Tỉnh Kon Tum tiếp giáp với tỉnh Ra-Ta-Na-Ki-Ri, với chiều dài đường biên giới khoảng 95 km gồm 02 huyện, 03 xã biên giới: Huyện Ngọc Hồi có 01 xã Sa Loong; huyện Sa Thầy có 02 xã (Mô Rai, Cờ Roi).

- Tỉnh Gia Lai tiếp giáp với tỉnh Ra-Ta-Na-Ki-Ri, với chiều dài đường biên giới khoảng 90 km gồm 03 huyện, 06 xã

biên giới: Huyện Ia Grai có 02 xã (Ia O, Ia Chia); huyện Đức Cơ có 03 xã (Ia Dom, Ia Nan, Ia Pnôn); huyện Chư Prông có 01 xã Ia Puch.

- Tỉnh Đăk Lăk tiếp giáp với tỉnh Môn-Đun-Ki-Ri, với chiều dài đường biên giới khoảng 73 km gồm 2 huyện, 4 xã biên giới: Huyện Ea Súp có 03 xã (Ya Tờ Môt, Ea Bung, Ya Lốp); huyện Buôn Đôn có 01 xã Krông Na.

- Tỉnh Đăk Nông tiếp giáp với tỉnh Môn-Đun-Ki-Ri, với chiều dài đường biên giới khoảng 120 km gồm 03 huyện, 06 xã biên giới: Huyện Cư Jut có 01 xã Ea Pô; huyện Đăk Mĩl có 03 xã (Đăk Lao, Thuận An, Thuận Hạnh); huyện Đăk Rlấp có 02 xã (Quảng Trục, Đăk Buk So).

- Tỉnh Bình Phước tiếp giáp với 03 tỉnh: Môn-Đun-Ki-Ri, Cra-Chê, Kông-Pông-Chàm, với chiều dài đường biên giới khoảng 210 km gồm 02 huyện, 12 xã biên giới: Huyện Lộc Ninh có 10 xã (Lộc Thành, Lộc Thiện, Lộc Tấn, Lộc Hoà, Lộc An, Tân Thành, Tân Tiến, Thanh Hoà, Thiện Hưng, Hưng Phước); huyện Phước Long có 02 xã (Đăk Ó, Bù Gia Mập).

- Tỉnh Tây Ninh tiếp giáp với 03 tỉnh: Kông-Pông-Chàm, Svey-Riêng, Prây-Veng, với chiều dài đường biên giới khoảng 220 km gồm 05 huyện, 20 xã biên giới: Huyện Tân Châu có 04 xã (Tân Hoà, Tân Đông, Tân Hà, Suối Ngô); huyện Tân Biên có 03 xã (Tân Lập, Tân Bình, Hoà Hiệp); huyện Châu Thành có 06 xã (Phước Vinh, Hoà Thạnh, Hoà Hội, Thành Long, Ninh Điền, Biên Giới); huyện Bến Cầu có 05 xã (Long Phước, Long Khánh, Long Thuận, Lợi Thuận, Tiên Thuận); huyện Trảng Bàng có 02 xã (Phước Chỉ, Bình Thạnh).

- Tỉnh Long An tiếp giáp với tỉnh Svey-Riêng, với chiều dài đường biên giới khoảng 136 km gồm 05 huyện, 19 xã biên giới: Huyện Đức Huệ có 04 xã (Mỹ Quý Đông, Mỹ Quý Tây, Mỹ Thạnh Tây, Bình Hoà Hưng); huyện Thạnh Hoá có 02 xã (Thuận Bình, Tân Hiệp); huyện Mộc Hoá có 05 xã (Bình Thạnh, Bình

Hoà Tây, Thạnh Trị, Bình Hiệp, Bình Tân); huyện Vĩnh Hưng có 05 xã (Tuyên Bình, Thái Bình Trung, Thái Trị, Hưng Điền A, Khánh Hưng); huyện Tân Hưng có 03 xã (Hưng Hà, Hưng Điền, Hưng Điền B).

- Tỉnh Đồng Tháp tiếp giáp với tỉnh Prây-Veng, với chiều dài đường biên giới khoảng 49 km gồm 02 huyện với 08 xã biên giới: Huyện Hồng Ngự có 05 xã (Bình Thạnh, Tân Hội, Thường Thới Hậu B, Thường Thới Hậu A, Thường Phước I); huyện Tân Hồng có 03 xã (Thông Bình, Tân Hộ Cơ, Bình Phú).

- Tỉnh An Giang tiếp giáp với 02 tỉnh: Kân-Dan và Tà-Keo, với chiều dài đường biên giới khoảng 96 km gồm 05 huyện, 17 xã biên giới: Huyện Tân Châu có 02 xã (Vĩnh Xương, Phú Lộc); huyện An Phú có 07 xã (Phú Hữu, Quốc Thái, Khánh An, Khánh Bình, Nhơn Hội, Phú Hội, Vĩnh Hội Đông); thị xã Châu Đốc có 02 xã (Vĩnh Ngươn, Vĩnh Tế); huyện Tịnh Biên có 04 xã (Nhơn Hưng, An Phú, Xuân Tô, An Nông); huyện Tri Tôn có 02 xã (Lạc Quới, Vĩnh Gia).

- Tỉnh Kiên Giang tiếp giáp với tỉnh Kăm-Pốt, với chiều dài đường biên giới khoảng 48 km gồm 02 huyện thị, 5 xã phường biên giới: Huyện Kiên Lương có 03 xã (Vĩnh Điều, Tân Khánh Hoà, Phú Mỹ); Thị xã Hà Tiên có 01 xã và 01 phường (Mỹ Đức, phường Đông Hồ).

2. Địa hình khu vực

Nhìn chung, đường biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia đi qua hai dạng địa hình đặc trưng tương đối bằng phẳng, ít hiểm trở. Đoạn biên giới thuộc các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đăk Lăk, Đăk Nông, Bình Phước và một phần tỉnh Tây Ninh đi qua địa hình đồi núi, độ cao trung bình từ 100 mét đến 1.400 mét, có một số đoạn biên giới đi theo dãy núi cao, một số đoạn biên giới cắt qua rừng già rậm rạp tập trung ở khu vực biên giới tiếp giáp ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia, có những đoạn biên giới là đường thẳng dài hàng chục km cắt qua rừng hoặc địa

hình bất kỳ. Từ phía Nam tỉnh Tây Ninh qua các tỉnh Long An, Đồng Tháp, An Giang và Kiên Giang, đường biên giới đi ngoằn ngoèo qua địa hình khá bằng phẳng gồm những sông rạch, đồng ruộng, sinh lầy, có những đoạn trong mùa mưa nước ngập mênh mông không phân biệt được đường biên giới ở chỗ nào trên mặt đất, cũng có một số đoạn đường biên giới chạy theo đường thẳng qua các ruộng nước và đầm lầy.

Đường biên giới từ Long An (đối diện là Svay-Riêng) đến Kiên Giang (đối diện là Kăm-Pốt) đi qua vùng đồng bằng, qua lại biên giới dễ dàng. Thành phố Hồ Chí Minh chỉ cách biên giới ở Long An, Tây Ninh khoảng 50 km theo đường chim bay. Trên biển, đảo Phú Quốc của Việt Nam cách đất liền Campuchia khoảng 10 km. Việc qua lại giữa hai nước bằng đường bộ, đường sông, đường biển đều rất thuận lợi. Mùa khô, bất cứ ở đâu cũng có thể qua lại được. Mùa mưa, nhất là khi nước lớn, Campuchia và miền Nam nước ta được nối liền thành một biển nước mênh mông, dùng một chiếc xuồng con có thể đi thông hai nước từ biển Hồ đến Cà Mau. Do đặc điểm địa lý thuận lợi như vậy nên sự giao lưu giữa hai nước trở nên rất dễ dàng và tạo thuận lợi cho việc qua lại làm ăn của cư dân hai bên biên giới từ đời này qua đời khác. Sự thông thương dễ dàng giữa hai nước mang lại nhiều lợi ích về hợp tác kinh tế và trao đổi thương mại nhưng cũng gây không ít khó khăn cho công tác quản lý việc qua lại cũng như việc chống buôn lậu qua biên giới.

3. Hệ thống sông suối

Theo Hiệp ước Hoạch định biên giới năm 1985, có hơn 500 km đường biên giới đi theo 28 đoạn sông, suối. Cụ thể như sau: Kon Tum khoảng 17,4 km (2 đoạn); Gia Lai khoảng 19,0 km (1 đoạn); Đăk Nông khoảng 150,4 km (6 đoạn); Bình Phước khoảng 183,0 km (4 đoạn); Tây Ninh khoảng 45,5 km (3 đoạn); Long An khoảng 37,2 km (6 đoạn); Đồng Tháp khoảng 40,7 km (5 đoạn); An Giang khoảng 7,7 km (2 đoạn).

Hiện nay, do tác động của thiên nhiên, có một vài sông rạch biên giới tuy được thể hiện trên bản đồ nhưng không còn tồn tại hoặc tồn tại không rõ ràng trên thực địa (rạch Địa Gai, rạch không tên tại cù lao Khánh Hoà).

Sông suối biên giới ở các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Nông, Bình Phước và Tây Ninh đi qua các dạng địa hình rừng núi, thỏ những tương đối bền vững, nên dòng chảy và hai bên bờ khá ổn định. Ngược lại, sông rạch biên giới ở các tỉnh Long An, Đồng Tháp và An Giang đi qua vùng đồng bằng hàng năm bị ngập lụt theo mùa nên thường bị phù sa bồi lắng làm thay đổi lòng sông và lưu lượng dòng chảy, có một số nơi hai bờ bị sạt lở ảnh hưởng rất lớn đến vị trí của đường biên giới như hợp lưu sông Tam Ly - Cái Cỏ - Sở Hạ, sông Hậu và hợp lưu sông Hậu - rạch Bình Di.

Trừ một số sông biên giới tương đối lớn và dài (như sông Se San, Nậm Sa Thầy, Beng Gô, Sở Thượng, sông Hậu), còn lại đa số là các suối, rạch biên giới nhỏ và hẹp. Các sông, rạch biên giới từ phía Nam tỉnh Tây Ninh đến An Giang có giá trị sử dụng tương đối cao về giao thông, thủy lợi, thủy sản, nhưng có điểm yếu là không ổn định, dễ bị xói lở, thay đổi dòng chảy, thậm chí thay đổi hình dáng. Dân cư hai bên đường biên giới tập trung ở khu vực này tương đối đông. Sông suối biên giới từ phía bắc tỉnh Tây Ninh đến Kon Tum ít bị thay đổi dòng hơn, một số sông suối có tiềm năng thủy điện, nhưng do địa hình rừng núi, dân cư thưa thớt, nên hiện tại chưa có điều kiện đầu tư, khai thác. Trong tương lai, việc khai thác sử dụng nguồn nước đối với các sông suối biên giới phục vụ tưới tiêu cây công nghiệp (cà phê, cao su ...) ở các tỉnh này có thể sẽ gặp khó khăn nếu không có hình thức thỏa thuận hợp lý về sử dụng nguồn nước.

Toàn tuyến hiện có ba đoạn sông biên giới (10 km trên sông Sở Thượng và hai đoạn 5 km trên sông Hậu) tàu thuyền lớn có thể qua lại quanh năm. Ngoài ra, có khoảng gần 70 km sông rạch ở phía nam như Beng Gô, Cái Cậy, Sở Hạ, Cái Cỏ, Tam Ly v.v... tàu thuyền loại nhỏ và vừa (dưới 5 tấn) có thể đi lại được.

Các cồn, bãi trên sông suối biên giới không nhiều, tập trung ở các tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai và Tây Ninh. Trên sông Sê San, Dak Dam và Beng Gô có khoảng hơn 20 cồn bãi. Một số cồn, bãi có diện tích tương đối lớn và có giá trị kinh tế (trồng trọt, khai thác gỗ), được thể hiện trên bản đồ như: Đảo Nai khoảng hơn 9 ha và cồn 1 khoảng 6 ha trên sông Sê San, cồn ở ngã ba sông Sê San và suối Iamun khoảng 16 ha, cồn trên sông Beng Gô khoảng 6 ha; còn lại chủ yếu là bãi đá lúc chìm lúc nổi theo con nước, diện tích mỗi bãi chỉ khoảng vài chục đến vài trăm mét vuông, giá trị kinh tế thấp. Sông rạch biên giới thuộc các tỉnh đồng bằng hầu như không có cồn bãi nổi, chỉ có một cù lao diện tích khoảng 9,8 ha trên sông Hậu.

Do Campuchia và Việt Nam có nhiều dòng sông chảy qua nhau nên việc sử dụng, khai thác các dòng sông đều có ảnh hưởng đến nhau. Việc đào đắp kênh mương hoặc xây dựng các công trình ở gần khu vực sông suối biên giới có thể làm ảnh hưởng đến việc sử dụng nguồn nước và dòng chảy trên các nhánh sông, do vậy cần có sự hợp tác phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau giữa hai bên.

TT	TÊN SÔNG,SUỐI	THUỘC TỈNH VIỆT NAM	THUỘC TỈNH CĂMPUCHIA	CHIỀU DÀI (MÉT)
1	Không tên	Kon Tum	Ra-Ta-Na-Ki-Ri	8.1
2	Nậm Sa Thày	Kon Tum	Ra-Ta-Na-Ki-Ri	9.2
3	Se San	Gia Lai	Ra-Ta-Na-Ki-Ri	19.0
4	Không tên	Gia Lai	Ra-Ta-Na-Ki-Ri	757
5	Prêk Dak Dam	Đắk Nông	Môn-Đun-Ki-Ri	113.6
6	Không tên	Đắk Nông	Môn-Đun-Ki-Ri	1.5

7	O Por	Đăk Nông	Môn-Đun-Ki-Ri	5.3
8	Prêk Dak Dam	Đăk Nông	Môn-Đun-Ki-Ri	15.3
9	Dak Huyt	Đăk Nông, Bình Phước	Môn-Đun-Ki-Ri	74.9
10	Dak Jerman	Bình Phước	Kông-Pông- Chàm	68.4
11	Prek Kriou	Bình Phước	Kông-Pông- Chàm	17.5
12	Chàm	Bình Phước	Kông-Pông- Chàm	35.8
13	Không tên	Tây Ninh	Kông-Pông- Chàm	3.0
14	Beng Gô	Tây Ninh	Kông-Pông- Chàm	40.4
15	Cái Cây	Tây Ninh	Kông-Pông- Chàm	2.0
16	Sóc Nóc	Long An	Svey-Riêng	1.0
17	O Kâmpong Rou	Long An	Svey-Riêng	11.4
18	Cá Rô	Long An	Svey-Riêng	800
19	PrêkKâmpong Rôtêh	Long An	Svey-Riêng	582

20	Long Khốt	Long An	Prây-Veng	1.1
21	Cái Cỏ	Long An	Prây-Veng	22.3
22	Tam Ly	Đồng Tháp	Prây-Veng	734
23	Sở Hạ	Đồng Tháp	Prây-Veng	27.6
24	Cái Xu	Đồng Tháp	Prây-Veng	652
25	Không tên	Đồng Tháp	Prây-Veng	2.5
26	Sở Thượng	Đồng Tháp	Prây-Veng	9.0
27	Hậu	An Giang	Tà-Keo	5.5
28	Không tên	An Giang	Tà-Keo	2.1
Tổng cộng		28 đoạn sông, suối		501.2

Bảng thống kê các đoạn sông suối biên giới

(đo trên bản đồ UTM tỷ lệ 1/50.000 đính kèm Hiệp ước 1985)

4. Đặc điểm khí hậu, thời tiết

Khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia thuộc vùng khí hậu nhiệt đới, gió mùa, độ ẩm cao. Khí hậu có hai mùa rõ rệt, mùa mưa thường bắt đầu từ tháng 4, tháng 5 đến tháng 9, tháng 10 (dương lịch) tập trung tới 90% lượng mưa cả năm; mùa khô thường bắt đầu từ tháng 9, tháng 10 đến tháng 4, tháng 5 năm sau, có lượng mưa chỉ chiếm khoảng 10% tổng lượng nước mưa cả

năm. Nhiệt độ trung bình hàng năm từ 26 - 27⁰C, biên độ nhiệt độ hàng năm thường không quá 4 - 5⁰C, một điểm đáng lưu ý là do ở gần xích đạo nên một số địa phương đã có dạng diễn biến của chế độ nhiệt tương tự như chế độ nhiệt của các địa phương ở vùng xích đạo.

5. Hệ thống giao thông và dân cư

5.1 Hệ thống giao thông

Trong khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia, ở các tỉnh miền núi hệ thống đường sá chủ yếu là đường mòn, đi lại khó khăn nhất là ở các tỉnh Kon Tum, Gia Lai và Đắk Lắk, thậm chí nhiều khu vực hầu như không có đường giao thông. Các tỉnh ở vùng đồng bằng có hệ thống đường sá tốt hơn và còn có thêm hệ thống kênh, rạch chằng chịt nên việc lưu thông, đi lại thuận lợi hơn.

Trong vùng biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia hiện nay có các loại đường bộ: đường ASEAN, đường liên quốc gia, quốc lộ, tỉnh lộ, đường sông và nhiều đường mòn, đường tiểu mạch (một số cắt ngang đường biên giới, một số chạy song song với đường biên giới) tạo nhiều thuận lợi cho việc qua lại của nhân dân hai bên biên giới, nhưng ngược lại gây không ít khó khăn, phức tạp cho việc quản lý và kiểm soát qua lại biên giới của hai bên. Một số đường bộ từ phía Việt Nam cắt qua biên giới sang Campuchia là: Quốc lộ 19 (Gia Lai), Quốc lộ 14 (Đắk Lắk), Quốc lộ 13 (Bình Phước), Quốc lộ 22 B (Tây Ninh), Quốc lộ 22 A (Tây Ninh), Quốc lộ 91 (An Giang), Quốc lộ 80 (Kiên Giang)...

Gần đây nhất, ngày 18/3/2010, tại Campuchia, Phó Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Trương Vĩnh Trọng và Thủ tướng Chính phủ Hoàng gia Campuchia Hun Sen đã cắt băng khánh thành Quốc lộ 78. Quốc lộ dài gần 70 km, nối liền Cửa khẩu Lê Thanh (tỉnh Gia Lai) của Việt Nam với thị xã Banlung (tỉnh Ratanakiri) của Campuchia.



Lễ cắt băng khánh thành Quốc lộ 78

Quốc lộ 78 là tuyến đường chiến lược quan trọng phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và góp phần đảm bảo an ninh, quốc phòng của 2 nước Việt Nam và Campuchia. Ngoài ra, Quốc lộ 78 còn mở ra cơ hội phát triển mới, kết nối miền Trung của Thái Lan, Đông Bắc Campuchia với vùng Tây Nguyên của Việt Nam. Việc đưa vào khai thác tuyến đường này cũng sẽ góp phần phát triển giao thông vận tải, tạo tiền đề cho xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế của các tỉnh nằm trong khu vực Tam giác phát triển giữa 3 nước Việt Nam, Lào và Campuchia.

5.2 Dân cư

Dân cư ở khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia phân bố không đều. Mật độ dân cư ở các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Phước và Bắc Tây Ninh rất thưa thớt, nhất là ở các tỉnh Kom Tum, Gia Lai và Đắk Lắk nhiều địa bàn kéo dài dọc theo biên giới hầu như không có cư dân sinh sống (trung bình từ 1 đến 26 người/km²); ở các tỉnh còn lại thì mật độ dân cư đông đúc hơn (Long An khoảng 290 người/km², Đồng Tháp trung bình 400 người/km²) nhưng phân bố không đồng đều, đa phần tập trung ở dọc bờ các con sông lớn và những nơi đất cao, ruộng đất phì nhiêu.

6. Cửa khẩu biên giới



*Cửa khẩu Mộc Bài (Tây Ninh) trên đường biên giới
Việt Nam - Campuchia*

Căn cứ Hiệp định về quy chế biên giới Việt Nam - Campuchia ký ngày 20-7-1983 và những thoả thuận của hai bên tính đến tháng 5/2010, hai nước đã mở 22 cửa khẩu quốc tế và cửa khẩu chính trên đường biên giới, trong đó có 12 cửa khẩu chính và 10 cửa khẩu quốc tế. Hiện nay, để đáp ứng nhu cầu giao lưu hợp tác qua biên giới của cả hai nước, Việt Nam và Campuchia đang tiếp tục xem xét mở mới và nâng cấp một số cửa khẩu. Ngoài các cửa khẩu quốc gia và cửa khẩu quốc tế, còn có các cửa khẩu phụ (tiểu mạch) do các địa phương hai bên mở phục vụ cho việc qua lại của cư dân hai bên biên giới.

TT	Tên cửa khẩu		Ghi chú
	Việt Nam	Cămpuchia	
I. Cửa khẩu quốc tế			
1	Lệ Thanh (Gia Lai)	An Đông Péch (Ra- Ta- Na-Ki- Ri)	
2	Hoa Lư (Bình Phước)	Trapaing Sre (Kratie)	
3	Xa Mát (Tây Ninh)	Trapeang Phlong (Kông - Pông -Chàm)	
4	Mộc Bài (Tây Ninh)	Bà Vét (Svey- Riêng)	
5	Bình Hiệp (Long An)	Prây Vo (Svey- Riêng)	
6	Dinh Bà (Đồng Tháp)	Bon Tia Chắc Cây (Prây - Veng)	
7	Thường Phước (Đồng Tháp)	Côk rô Ca (Prây - Veng)	đường sông
8	Sông Tiền (An Giang)	Ca Om Sam No (Kân - Đan)	đường sông
9	Tịnh Biên (An Giang)	Phơ Nông Đon (Tà -Keo)	
10	Hà Tiên (Kiên Giang)	Prek Chak (Kăm - Pốt)	

II. Cửa khẩu chính			
1	Đắc Ruê (Đắc Lắc)	Chi Miết (Môn-Đun-Ki-Ri)	
2	Bu Prăng (Đắc Nông)	Đăk Đăm (Môn-Đun-Ki-Ri)	
3	Đắc Peur (Đắc Nông)	Bu Sara (Môn-Đun-Ki-Ri)	
4	Hoàng Diệu (Bình Phước)	La Pakhê (Môn-Đun-Ki-Ri)	
5	Kà Tum (Tây Ninh)	Chăn Mun Kông-Pông-Chàm	
6	Tổng Lê Chân (Tây Ninh)	Sa Tum Kông-Pông-Chàm	
7	Chàng Riệc (Tây Ninh)	Đa Kông-Pông-Chàm	
8	Phước Tân (Tây Ninh)	Bố Môn (Svay Riêng)	
9	Mỹ Quý Tây (Long An)	Xòm Rông (Svey -Riêng)	
10	Khánh Bình (An Giang)	Chrây Thum (Kần - Đan)	
11	Vĩnh Hội Đông (An Giang)	Kom Pung Kroxăng (Tà -Keo)	đường sông

12	Giang Thành (Kiên Giang)	Ton Hon (Kăm- Pốt)	
III. Cửa khẩu phụ			
1	Tân Tiến (Bình phước)	Chay Khleng (Kông - Pông Chàm)	
2	Tà Vát (Bình Phước)	Tôn Lé Cham (Kông - Pông -Chàm)	
3	Vạc Sa (Tây Ninh)	Phum Soty (Kông -Pông- Chàm)	
4	Cây Gõ (Tây Ninh)	Bos Chэк (Kông -Pông -Chàm)	
5	Tân Phú (Tây Ninh)	Kọ (Kông -Pông-Chàm)	
6	Vàm Trảng Trâu (Tây Ninh)	Đôn (Svey - Riêng)	
7	Tà Nông (Tây Ninh)	Kom Pông Th' Nuông (Svey - Riêng)	
8	Long Phước (Tây Ninh)	Tà Y (Svey - Riêng)	
9	Long Thuận (Tây Ninh)	Kompông S'Piên (Svey - Riêng)	
10	Phước Chi (Tây Ninh)	Brasát (Svey - Riêng)	

11	Tân Nam (Tây Ninh)	Mon Chây (Prây - Veng)	
12	Long Khốt (Long An)	Xòm Đông (Svey - Riêng)	
13	Vàm Đồn (Long An)	Chòm Loong (Svey - Riêng)	
14	Kênh (Long An)	Cơ Rúa (Svey - Riêng)	
15	Sở Thượng (Đồng Tháp)	Koos Xâm Pư (Prây - Veng)	
16	Mộc Rá (Đồng Tháp)	Koos Xâm Pư (Prây - Veng)	
17	Á Đôn (Đồng Tháp)	Gò Đồn (Prây - Veng)	
18	Bình Phú (Đồng Tháp)	Bon Tia Chắc Crây (Prây - Veng)	
19	Thông Bình (Đồng Tháp)	Pèm Tia (Prây - Veng)	
20	Bắc Đai (An Giang)	Bắc Đai (Tà - Keo)	
21	Sa Kỳ (Kiên Giang)	Cok Com Bô (Kăm - Pốt)	

22	Vàm Hàng (Kiên Giang)	Prêy Tho Mo Kol (Kăm - Pốt)	
23	Rạch Gõ (Kiên Giang)	Đom Sơ Ngau (Kăm - Pốt)	
24	Đầm Chít (Kiên Giang)	Prêy Tun Lê (Kăm - Pốt)	
25	Chợ Đình (Kiên Giang)	Thnôt Choong Srong (Kăm - Pốt)	

*Bảng thống kê cửa khẩu biên giới Việt Nam - Campuchia
(Số liệu đến cuối tháng 5 năm 2010)*

B. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH ĐƯỜNG BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - CĂMPUCHIA



Cuộc họp Chuyên viên vòng 1 biên giới Việt Nam - Cămpuchia

Việt Nam và Cămpuchia là hai quốc gia có quan hệ từ lâu đời. Trước thế kỷ XIX, lịch sử hai nước có nhiều biến động, biên giới giữa hai nước dần dần hình thành và tương đối ổn định đến trước khi Pháp xâm lược Đông Dương.

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam. Năm 1862, Pháp chiếm xong ba tỉnh miền Đông “*Nam Kỳ lục tỉnh*” của Việt Nam là Biên Hòa, Gia Định, Định Tường buộc triều đình Huế phải ký Hiệp ước nhường quyền cai quản các tỉnh này cho Pháp.

Năm 1863, Vương quốc Cămpuchia chịu sự bảo hộ của Pháp.

Năm 1867, Pháp chiếm các tỉnh còn lại của “*Nam Kỳ lục tỉnh*” là Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên.

Đến năm 1884, triều đình Huế đầu hàng Pháp, thừa nhận chế độ thuộc địa ở Nam Kỳ, chế độ bảo hộ ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

Sau khi hoàn thành việc xâm lược Đông Dương, năm 1887, thực dân Pháp thành lập “*Liên bang Đông Dương*” gồm một xứ thuộc địa Nam Kỳ và 4 xứ bảo hộ (Cao Miên, Ai Lao, Bắc Kỳ, Trung Kỳ). Về thực chất, cả Đông Dương lúc đó là thuộc địa của Pháp, nhưng về hình thức thì Nam Kỳ là thuộc địa, là một “*lãnh thổ hải ngoại*” của nước Cộng hoà Pháp, có đại biểu ở Quốc hội Pháp; còn Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Cao Miên và Ai Lao chỉ là xứ bảo hộ. Cơ quan cai trị ở Nam Kỳ gọi là Phủ Thống đốc, đứng đầu là một Thống đốc đại diện trực tiếp của Toàn quyền, trong khi đó viên cai trị cao nhất ở Bắc Kỳ là Thống sứ, ở Trung Kỳ, Cao Miên và Ai Lao là Khâm sứ.

Để quản lý hành chính và khai thác thuộc địa thuận lợi, Pháp đã tiến hành việc phân định các ranh giới giữa các xứ trong “*Liên bang Đông Dương*”. Riêng ranh giới giữa Nam Kỳ và Campuchia được thực dân Pháp quan tâm hơn vì Nam Kỳ là thuộc địa, là “*lãnh thổ hải ngoại*” của chính phủ Pháp.

Căn cứ vào các văn bản thực dân Pháp để lại, có thể tóm tắt việc hoạch định đường biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Campuchia trong thời thuộc Pháp như sau:

1. Biên giới Nam Kỳ - Campuchia

Biên giới Nam Kỳ - Campuchia được hoạch định bằng các công ước giữa Quốc vương Campuchia và Thống đốc Nam Kỳ, sau đó được điều chỉnh, xác định rõ thêm bằng các Nghị định của Toàn quyền Đông Dương. Đường biên giới này đã được phân giới, cắm mốc.

Từ ngã ba Trung Kỳ - Nam Kỳ - Campuchia (Đăk Lăk ngày nay) đến điểm hợp lưu Tônlé Tru - Tônlé Chàm (Tây Ninh ngày nay) được xác định bởi Nghị định ngày 26/7/1893 của Thống đốc Nam Kỳ và Điều 3 Nghị định ngày 31/7/1914 của Toàn quyền Đông Dương.

Từ hợp lưu Tônlé Tru - Tônlé Chàm đến làng Hoà Thành (Kiên Giang ngày nay) được xác định bởi Thoả ước Pháp - Campuchia ngày 9/7/1870 và Công ước Pháp - Campuchia ngày 15/7/1873 được ký kết giữa một bên là Thống đốc Nam Kỳ đại diện cho xứ thuộc địa và một bên là Quốc vương Campuchia đại diện cho xứ bảo hộ. Đoạn biên giới này đã được xác định trên thực địa bằng 124 cột mốc, sau đó tiếp tục được điều chỉnh, bổ sung bằng Nghị định ngày 26/7/1893 của Thống đốc Nam Kỳ và các Nghị định của Toàn quyền Đông Dương (Nghị định ngày 31/7/1914, Nghị định ngày 30/3/1932, Nghị định ngày 6/12/1935, Nghị định ngày 11/12/1936 và Nghị định ngày 26/7/1942).

Từ mốc 124 (làng Hoà Thành) đến bờ biển Hà Tiên được xác định bởi biên bản hoạch định ngày 5/4/1876, các biên bản ngày 15/6/1896 và ngày 20/1/1897, biên bản điều chỉnh hoạch định ngày 28/11/1888, Điều 1 và Điều 2 Nghị định ngày 31/7/1914 của Toàn quyền Đông Dương.

2. Biên giới Trung Kỳ - Campuchia

Có hai văn bản quy định ranh giới của các tỉnh Trung Kỳ với Campuchia (Nghị định ngày 06-12-1904 và ngày 04-7-1905 của Toàn quyền Đông Dương). Riêng đoạn biên giới dọc theo sông Dak Dam thuộc tỉnh Đắk Lắk và một đoạn ngắn theo sông Sê San thuộc Pleiku (tỉnh Gia Lai ngày nay) được xác định bằng các nghị định của Toàn quyền Đông Dương ký ngày 30-3-1932 và 04-3-1933 (quy định về ranh giới hành chính phía Tây của các tỉnh đó theo suối Dak Dam và sông Sê San). Ranh giới giữa Trung Kỳ và Campuchia chưa được cắm mốc giới trên thực địa.

Theo các tài liệu lịch sử, từ khi nước ta hoàn toàn thuộc quyền cai trị của thực dân Pháp thì chính quyền thuộc địa có chương trình khai thác vùng Tây Nguyên. Thoạt đầu là những cuộc thám hiểm, lập đồn binh ở những nơi hiểm yếu, vạch hướng những con đường sẽ làm băng qua các cao nguyên và nối vùng cao nguyên với các tỉnh ven biển. Lúc đó, về pháp lý Tây Nguyên thuộc Nam triều. Đến năm 1899, Pháp buộc vua Đồng Khánh phải

cho việc phân vạch và cắm mốc giới trên thực địa. Mặt khác, đối với một số khu vực nhỏ, chính quyền Pháp đã có những điều chỉnh phù hợp với tình hình quản lý thực tế của chính quyền và nhân dân địa phương hai bên biên giới nhằm xác định một ranh giới giữa Việt Nam và Campuchia rõ ràng hơn. Kết quả là, cho đến trước khi Pháp rút khỏi Đông Dương, toàn bộ đường biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Campuchia đã được thể hiện tương đối đầy đủ trên bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 do Sở Địa dư Đông Dương xuất bản, tuy vẫn còn có những khiếm khuyết, nhưng thành quả này sẽ là một trong những cơ sở quan trọng để Việt Nam và Campuchia cùng nhau thảo luận vấn đề biên giới giữa hai nước với tư cách là quốc gia độc lập và thực sự có chủ quyền.

C. TÓM TẮT TIẾN TRÌNH ĐÀM PHÁN GIẢI QUYẾT BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - CĂMPUCHIA



Lễ ký biên bản cuộc gặp đặc biệt 2 Chủ tịch UBLH PGCM

Từ sau khi hoà bình được lập lại ở Đông Dương (1954), Việt Nam và Cămpuchia đã cùng nhau thương lượng về biên giới lãnh thổ giữa hai nước. Nhưng phải đến năm 1979, khi nhà nước CHND Cămpuchia được thành lập thì mới tạo ra một thuận lợi cơ bản cho việc nối lại và tăng cường quan hệ Việt Nam với Cămpuchia nói chung và cho việc giải quyết vấn đề biên giới giữa hai nước nói riêng.

1. Thời kỳ 1979 - 1990

Theo Hiệp ước hoà bình, hữu nghị và hợp tác giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà nhân dân Cămpuchia ký ngày 18/02/1979, “Hai Bên cam kết sẽ giải quyết bằng thương

lượng hoà bình tất cả những bất đồng có thể nảy sinh trong quan hệ giữa hai nước. Hai Bên sẽ đàm phán để ký một Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa hai nước trên cơ sở đường biên giới hiện tại; quyết tâm xây dựng đường biên giới này thành biên giới hoà bình, hữu nghị lâu dài giữa hai nước” (Điều 4).

Thực hiện cam kết trên, từ đầu năm 1981 Việt Nam đã trao đổi với phía Campuchia để thống nhất nguyên tắc làm cơ sở cho việc xây dựng Hiệp ước hoạch định biên giới như đã thoả thuận tại Điều 4 của Hiệp ước hoà bình, hữu nghị và hợp tác ký ngày 18/02/1979; đồng thời trao đổi để ký kết một Hiệp định về qui chế biên giới nhằm duy trì sự ổn định ở vùng biên giới trong khi hai bên tiến hành đàm phán về hoạch định và phân giới cắm mốc biên giới.

Về việc lựa chọn bản đồ để đính kèm Hiệp ước nguyên tắc giải quyết vấn đề biên giới, trên cơ sở các bản đồ tỷ lệ 1/100.000 do thực dân Pháp để lại, hai bên đã thống nhất tiêu chí chung là chọn bản đồ địa hình Bonne tỉ lệ 1/100.000 do Sở Địa dư Đông Dương xuất bản thông dụng trước năm 1954 và gần năm 1954 nhất. Hai bên đã lựa chọn 26 mảnh bản đồ địa hình Bonne tỉ lệ 1/100.000 do Sở Địa dư Đông Dương xuất bản và thống nhất đánh giá rằng đây là bộ bản đồ chuẩn xác nhất có thể có được trên thực tế, tuy một số mảnh bản đồ còn có khiếm khuyết, nhưng không tìm được bộ nào tốt hơn, đồng thời nhất trí sử dụng 26 mảnh bản đồ này làm bộ bản đồ gốc đính kèm Hiệp ước hoạch định biên giới giữa hai nước.

Hiệp ước nguyên tắc năm 1983 và Hiệp định quy chế biên giới năm 1983

Sau khi hai bên thống nhất ý kiến về việc lựa chọn bộ bản đồ gốc và thoả thuận xong nội dung văn bản Hiệp ước nguyên tắc giải quyết vấn đề biên giới, ngày 08/7/1983 hai bên đã tiến hành ký tất.

Ngày 20-7-1983, tại Phnôm Pênh hai bên đã tiến hành Lễ ký chính thức “Hiệp ước về nguyên tắc giải quyết vấn đề biên giới giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Campuchia” và

“Hiệp định về quy chế biên giới quốc gia tạm thời giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Campuchia”. Bộ trưởng Ngoại giao nước CHXHCN Việt Nam Nguyễn Cơ Thạch và Bộ trưởng Ngoại giao nước CHND Campuchia Hun Sen, được sự uỷ nhiệm của Hội đồng nhà nước hai nước Việt Nam và Campuchia đã ký Hiệp ước và Hiệp định.

Ngày 27-9-1983, tại Hà Nội, hai bên tiến hành trao đổi văn kiện phê chuẩn Hiệp ước nguyên tắc và Hiệp định quy chế biên giới có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27-9-1983.

Nội dung của Hiệp ước nguyên tắc năm 1983 gồm 4 Điều. Nội dung pháp lý quan trọng nhất được thể hiện tại Điều 1, đã ghi rõ: *“Trên đất liền, hai bên coi đường biên giới hiện tại giữa hai nước được thể hiện trên bản đồ tỷ lệ 1/100.000 của Sở Địa dư Đông Dương (SGI), thông dụng trước năm 1954 hoặc gần năm 1954 nhất (kèm theo 26 mảnh bản đồ đã được hai bên xác nhận), là đường biên giới quốc gia giữa hai nước”*. Hai bên cũng thống nhất nguyên tắc: *“ở nơi nào đường biên giới chưa được vẽ trên bản đồ hoặc hai bên đều thấy chưa hợp lý thì hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau vì lợi ích của mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Campuchia, phù hợp với luật pháp quốc tế và thực tiễn quốc tế”*.

Điều 2 của Hiệp ước quy định hai bên sẽ thương lượng vào thời gian thích hợp để hoạch định đường biên giới giữa hai nước trong vùng nước lịch sử đã được hai bên thoả thuận theo tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, vì lợi ích của mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Campuchia, phù hợp với luật pháp quốc tế và thực tiễn quốc tế.

Điều 3 ấn định việc thành lập Ủy ban liên hợp để hoạch định đường biên giới trên đất liền, đường biên giới trên biển và soạn thảo Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa hai nước.

Điều 4 quy định về điều khoản thi hành, theo đó Hiệp ước nguyên tắc sẽ được phê chuẩn và có hiệu lực kể từ ngày trao đổi văn kiện phê chuẩn.

Nội dung Hiệp định quy chế biên giới tạm thời năm 1983 gồm 19 điều, ngoài việc tái khẳng định những nguyên tắc điều chỉnh mối quan hệ giữa hai nước đã thoả thuận những biện pháp tạm thời nhằm duy trì việc quản lý biên giới, trong khi phần lớn đường biên giới giữa hai nước chưa được phân giới cắm mốc rõ ràng, cụ thể là:

- Hai bên cùng tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau; hợp tác quản lý, bảo vệ đường biên, mốc giới, bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quan hệ biên giới bằng biện pháp hoà bình.

- Hai bên giải quyết vấn đề qua lại giữa hai quốc gia, giữa các địa phương và việc qua lại của cư dân biên giới; giao thông đường bộ, đường thủy giữa hai nước và các vấn đề khác liên quan trên cơ sở tôn trọng lợi ích chính đáng của các bên và quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân hai bên trong khu vực biên giới.

- Hai bên cùng hợp tác phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; hợp tác khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, môi trường ở khu vực biên giới v.v...

Thực hiện Hiệp ước nguyên tắc ký ngày 20-7-1983, hai bên thống nhất thành lập Ủy ban liên hợp hoạch định biên giới Việt Nam - Campuchia. Từ năm 1983, quan hệ giữa hai bên trong khu vực biên giới cơ bản được thực hiện phù hợp với các qui định của Hiệp định về Qui chế biên giới. Hiệp định về Qui chế biên giới là công cụ hữu hiệu để Chính phủ hai nước và các tỉnh biên giới phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác trong suốt thời gian qua. Tuy nhiên, Hiệp định về Qui chế biên giới năm 1983 vẫn còn một số hạn chế: Hiệp định chưa có các qui định cụ thể về trình tự và cơ chế giải quyết những vấn đề nảy sinh ở khu vực biên giới; một số qui định về mở và nâng cấp cửa khẩu không còn phù hợp; vấn đề khai thác sử dụng tài nguyên nước thuộc sông suối biên giới và việc xây dựng các công trình dân sinh ở sát đường biên

cũng chưa có quy định cụ thể. Thực tế, hai bên chưa tổ chức được cuộc họp nào để rà soát lại việc thực hiện Hiệp định Qui chế biên giới ký kết từ năm 1983. Từ ngày 11-7-1984 đến cuối năm 1985, Ủy ban liên hợp đã tiến hành các cuộc họp chính thức trong khuôn khổ cấp Ủy ban liên hợp, họp hai Trưởng đoàn Ủy ban liên hợp và họp hai Đoàn chuyên viên để hoạch định đường biên giới trên đất liền giữa hai nước và thể hiện đường biên giới đó trên bản đồ và văn bản Hiệp ước.

Hiệp ước Hoạch định biên giới quốc gia năm 1985



Lễ ký HUHH biên giới quốc gia giữa Việt Nam - Campuchia

Thực hiện Hiệp ước nguyên tắc ký năm 1983, hai bên thống nhất thành lập Ủy ban liên hợp hoạch định biên giới Việt Nam - Campuchia. Từ ngày 11/7/1984 đến cuối năm 1985, Ủy ban liên hợp đã tiến hành các cuộc họp chính thức (trong khuôn khổ cấp Ủy ban liên hợp, họp hai Trưởng đoàn Ủy ban liên hợp và họp hai Đoàn chuyên viên) để hoạch định đường biên giới trên đất liền giữa hai nước, thể hiện đường biên giới đó trên bản đồ và văn bản Hiệp ước.

Đến ngày 27/12/1985, tại Phnôm Pênh (Cămpuchia), Bộ trưởng Ngoại giao hai nước ký kết “Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hoà nhân dân Cămpuchia”.

Ngày 22/2/1986, tại Hà Nội, hai bên tiến hành trao đổi văn kiện phê chuẩn và Hiệp ước chính thức có hiệu lực thi hành kể từ ngày trao đổi văn kiện phê chuẩn. Như vậy, với Hiệp ước hoạch định biên giới ngày 27/12/1985, Việt Nam và Cămpuchia đã cơ bản giải quyết vấn đề hoạch định biên giới trên đất liền.

Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia Việt Nam - Cămpuchia năm 1985 đã đánh dấu một mốc quan trọng trong quan hệ hai nước. Đây là hiệp ước được ký kết giữa hai quốc gia độc lập, có chủ quyền, trên cơ sở tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ của nhau, phù hợp với pháp luật và thực tiễn quốc tế. Nội dung của Hiệp ước phù hợp với lập trường của hai nước từ sau năm 1954. Thủ tục ký kết và thực hiện chặt chẽ từ Hiệp ước nguyên tắc đến Hiệp ước hoạch định.

Từ năm 1986 đến hết năm 1988 hai bên đã tiến hành phân giới cắm mốc được 212/1137 km đường biên giới và cắm được 72/ 322 mốc quốc giới. Tuy nhiên, đến cuối năm 1988, đầu năm 1989 do tình hình chính trị Cămpuchia có biến động, phía Cămpuchia lầy lý do kỹ thuật nên tiến trình phân giới cắm mốc dừng lại.

2. Thời kỳ 1990 - 2006

Trong thời gian từ 1991 - 1998, đàm phán biên giới bị gián đoạn, nhưng trong các cuộc gặp gỡ cấp cao, hai bên đều đề cập đến việc cùng nhau hợp tác để duy trì biên giới ổn định. Trong khi chờ đợi giải quyết những tồn đọng về biên giới, Việt Nam và Cămpuchia đã thống nhất một số cơ chế tạm thời để quản lý biên giới. Trong Thông cáo báo chí Việt Nam - Cămpuchia ngày 17/01/1995, Điều 8 ghi: “Hai bên thỏa thuận trong khi chờ đợi giải quyết những vấn đề còn tồn tại về biên giới thì duy trì sự

quản lý hiện nay... không thay đổi, xê dịch các cột mốc biên giới, giáo dục không để nhân dân xâm canh, xâm cư và hợp tác giữ gìn trật tự an ninh biên giới ”. Trong Tuyên bố chung Việt Nam - Campuchia ngày 01/6/1998, hai bên thoả thuận: “về vấn đề biên giới, hai bên bày tỏ lòng mong muốn xây dựng đường biên giới chung hòa bình, hữu nghị và hợp tác. Hai bên khẳng định tiếp tục tôn trọng các Hiệp ước, Hiệp định về biên giới trên bộ và trên biển mà hai bên đã ký trong những năm 1982, 1983 và 1985” và nhất trí nói lại các cuộc họp giữa hai bên để tiếp tục giải quyết các vấn đề tồn tại về biên giới giữa hai nước.



Lễ ký biên bản UBLH vòng 1 tại Phnôm Pênh năm 1999

Thực hiện thoả thuận của Thủ tướng Chính phủ hai nước, Ủy ban liên hợp về biên giới Việt Nam - Campuchia được thành lập, hai bên đã tiến hành một số cuộc họp chính thức từ đầu năm 1999 đến 2002 để nói lại tiến trình đàm phán và đã thống nhất được một số nội dung.

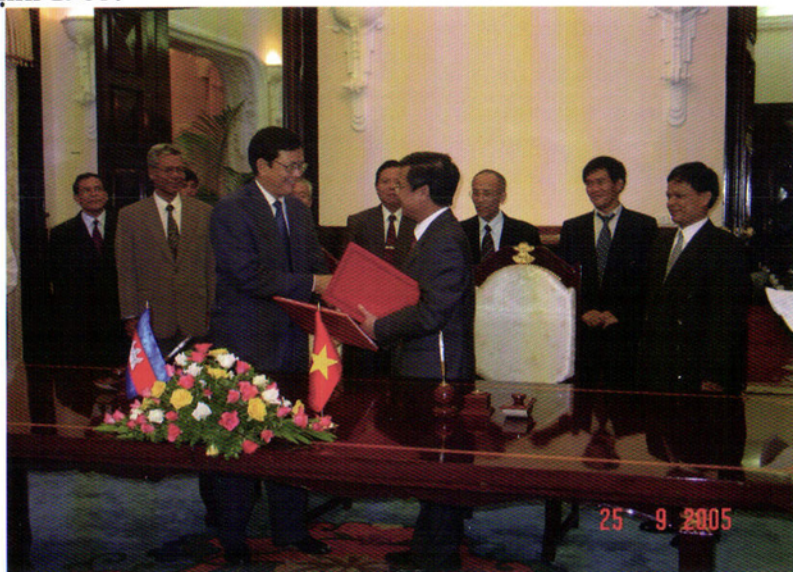
Tuy nhiên, tiến trình đàm phán về biên giới giữa hai nước lại một lần nữa bị tạm thời dừng lại trong giai đoạn từ 2002 đến đầu 2005. Đàm phán được nối lại từ tháng 3 năm 2005 sau chuyến thăm Campuchia của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh.

Từ ngày 21-25 tháng 9 năm 2005, hai bên gặp nhau tại Hà Nội để hoàn thiện văn bản Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới 1985.

Ngày 10/10/2005, tại Hà Nội Thủ tướng Hun Sen và Thủ tướng Phan Văn Khải thay mặt Chính phủ đã ký Hiệp ước bổ sung Hiệp ước Hoạch định biên giới năm 1985. Hiệp ước bổ sung đã được Quốc hội hai nước phê chuẩn, ngày 30/11/2005 Quốc Vương Xi - Ha - Mô - Ni ký sắc lệnh ban hành Hiệp ước; ngày 5/12/2005 Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam Trần Đức Lương ký lệnh công bố Hiệp ước.

Ngày 6/12/2005 tại Phnôm Pênh hai bên trao đổi văn kiện phê chuẩn Hiệp ước.

Nội dung mới trong Hiệp ước bổ sung 2005 so với Hiệp định 1985:



Lễ hoàn thành dự thảo Hiệp ước Bổ sung 2005

Hiệp ước bổ sung năm 2005 có phần mở đầu và 6 điều khoản, bổ sung Hiệp ước Hoạch định biên giới năm 1985 một số nội dung chính như sau:

1) Khẳng định giá trị của Hiệp ước năm 1985, nhấn mạnh văn kiện ký kết lần này là Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới năm 1985, nhằm mục đích “sớm kết thúc tiến trình phân giới và cắm mốc”. Điều III (mục 4) và Điều IV (mục 1) khẳng định quyết tâm này bằng quy định hai bên thống nhất thông qua kế hoạch tổng thể phân giới cắm mốc trước cuối năm 2005, phần đầu hoàn thành phân giới cắm mốc trước tháng 12/2008.

2) Về sông suối biên giới, thống nhất điều chỉnh đường biên giới đi vào giữa dòng sông suối, để toàn bộ sông suối biên giới là sông suối chung giữa hai nước.

3) Để tạo điều kiện kỹ thuật thuận lợi cho quá trình phân giới và cắm mốc đường biên giới trên đất liền, hai bên thống nhất rà soát việc chuyển vẽ đường biên giới từ bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 sang bản đồ UTM tỷ lệ 1/50.000. Đối với những khu vực mà hai bên không nhất trí được về kết quả đối chiếu cũng như giải pháp kỹ thuật thì đường biên giới tại các khu vực đó sẽ giữ nguyên như trên bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000.

4) Về quản lý biên giới: cho đến khi hai bên hoàn thành công việc phân giới cắm mốc, việc quản lý đường biên giới sẽ tiếp tục được thực hiện theo Thông cáo báo chí ngày 17/01/1995: ở những nơi đã phân giới cắm mốc thì quản lý theo kết quả phân giới cắm mốc, ở những nơi chưa phân giới cắm mốc thì tiếp tục quản lý như trước ngày 17/01/1995.

5) Điều IV quy định xây dựng bản đồ đường biên giới quốc gia, Nghị định thư về phân giới và cắm mốc đường biên giới trên đất liền như một bộ phận cấu thành của Hiệp ước Hoạch định biên giới năm 1985 và Hiệp ước bổ sung.

6) Hiệp ước bổ sung là cơ sở để hai nước hoàn thành dứt điểm công tác phân giới cắm mốc, thực hiện phương châm mà lãnh đạo cấp cao hai nước đã thoả thuận là xây dựng đường biên giới Việt Nam - Campuchia thành đường biên giới hoà bình, ổn định, hợp tác, cùng phát triển.

D. CÔNG TÁC PHÂN GIỚI CẮM MỐC BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - CĂMPUCHIA



Lễ khánh thành cột mốc 232 ngày 29/12/2009

1. Tổ chức thực hiện

Sau khi Hiệp ước bổ sung 2005 có hiệu lực, ngày 22/12/2005 hai bên đã thông qua Kế hoạch tổng thể về công tác PGCM biên giới đất liền Việt Nam -Cămpuchia và thông qua điều lệ tổ chức hoạt động của Ủy ban liên hợp PGCM của hai nước.

Hai bên đã thống nhất cắm trên toàn tuyến biên giới tổng số 314 vị trí mốc tương đương với 371 cột mốc. Hai bên ưu tiên xây dựng hệ thống mốc ở cửa khẩu và khu vực có đường giao thông thuận lợi đi qua nhằm tăng cường hợp tác, giao lưu phát triển kinh tế và ổn định trật tự an toàn xã hội vùng biên giới.

Ngày 27/9/2006, hai bên cắm cột mốc đầu tiên (số 171) tại cặp cửa khẩu quốc tế Mộc Bài (Tây Ninh) - Ba Vét (Svay- Riêng), chính thức khởi động tiến trình PGCM trên toàn tuyến. Tuy nhiên, tới tháng 6/2007, kế hoạch cắm mốc mới thực sự bắt đầu tại Tây Nguyên. Tháng 6/2008, hai bên mới triển khai tiếp ở Tây Nam Bộ.

Tính đến tháng 10/2010, trên toàn tuyến, hai bên đã xác định được 191 vị trí mốc, trải đều trên hầu hết các tỉnh biên giới, trong đó có mốc đầu (cũng là mốc ngã ba biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia) và 7/9 mốc cửa khẩu quốc tế (Hoa Lư tỉnh Bình Phước, Xa Mát và Mộc Bài tỉnh Tây Ninh, Dinh Bà và Thường Phước tỉnh Đồng Tháp, Vĩnh Xương tỉnh An Giang và Hà Tiên tỉnh Kiên Giang). Đặc biệt lần đầu tiên tại khu vực Tây Nguyên đã hình thành một hệ thống gần 50 vị trí mốc.

Hai bên đang phấn đấu hoàn thành PGCM vào năm 2012 vì một đường biên giới ngày càng ổn định và góp phần tích cực vào việc củng cố, phát triển quan hệ hợp tác nhiều mặt giữa hai nước và sự phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực biên giới giữa hai nước Việt Nam - Campuchia.

TT	Tỉnh	Mốc A		Mốc B			Mốc C			Từ mốc	Đến mốc	Ghi chú
		đơn	đôi	đơn	đôi	ba	đơn	đôi	ba			
1	Kon Tum			20	3	1				1	24	29
2	Gia Lai	1		12	2	1				25	40	20
3	Đắk Lắk			4	2	1				41	47	11
4	Đắk Nông		1	6	2	4				48	60	24

5	Bình Phước	1		10	8				61	79	27	
6	Tây Ninh	2		87	7	1			80	176	106	
7	Long An			48	6		43	9	177	230	60	
8	Đồng Tháp	1	1				4	2	2	231	240	17
9	An Giang	2					42	1	1	241	286	49
10	Kiên Giang	1					27			287	314	28
Vị trí mốc		8	2	138	27	7	117	12	3			
Tổng vị trí mốc		8	4	138	54	18	118	24	9			
Tổng số mốc		12		210			151					371

*Bảng thống kê mốc biên giới Việt Nam - Campuchia
(Ủy ban liên hợp hai bên dự kiến cắm trên toàn tuyến biên giới)¹*

¹ Vụ Biên giới phía Tây, Ủy ban Biên giới quốc gia - Bộ Ngoại giao.

2. Ý nghĩa công tác PGCM biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia



Lễ khánh thành cột mốc biên giới số 171

Công tác PGCM có ý nghĩa hết sức quan trọng, là một quá trình không thể thiếu được trong cả quá trình xác lập đường biên giới giữa hai nước. Việc tiến hành PGCM trên thực địa sẽ giúp hai bên có đầy đủ cơ sở để nhận biết đường biên giới ở đâu, phạm vi lãnh thổ của mỗi quốc gia đến đâu để thực hiện công tác quản lý, bảo vệ. Đây sẽ là cơ sở tốt để các ngành chức năng hai nước tiến hành quản lý biên giới được thuận lợi. Nhân dân sống ở khu vực biên giới giữa hai nước sẽ dễ dàng nhận biết được đường biên giới, cùng nhau bảo vệ đường biên mốc giới, tránh được hiện tượng xâm canh, xâm cư do thiếu hiểu biết về đường biên mốc giới.

Quá trình đàm phán PGCM góp phần không nhỏ vào việc giải quyết những nội dung còn vướng mắc, các sai sót nhỏ không thể tránh khỏi trong quá trình hoạch định biên giới; phát hiện và đề xuất các biện pháp xử lý những vướng mắc trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ quốc gia; tránh những tồn tại bất đồng về chủ quyền lãnh thổ gây phức tạp trong mối quan hệ sau này giữa các quốc gia liên quan.

Công tác PGCM còn có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo dựng và duy trì môi trường hoà bình, ổn định để xây dựng và phát triển kinh tế giữa hai đất nước.

G. QUAN HỆ VIỆT NAM - CĂMPUCHIA TRONG THỜI GIAN GẦN ĐÂY



Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Thủ tướng CPC Hun Sen.

1. Quan hệ chính trị

Quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện Việt Nam - Cămpuchia tiếp tục được Lãnh đạo cấp cao hai nước nhất trí, tăng cường cả về quan hệ Đảng và quan hệ Nhà nước theo phương châm “*Láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài*” nhằm thúc đẩy sự gắn bó và tin cậy lẫn nhau giữa hai nước lên một tầm cao mới. Các cơ chế hợp tác chặt chẽ giữa nhiều cấp, ngành của hai nước như Ủy ban liên Chính phủ; Hội nghị hợp tác và phát triển các tỉnh biên giới; Ủy ban liên

hợp biên giới; cơ chế hợp tác giữa các bộ, ngành, địa phương... được duy trì liên tục.

Trong năm 2009, các cuộc gặp gỡ giữa Lãnh đạo cấp cao hai nước diễn ra thường xuyên, tạo động lực mới thúc đẩy quan hệ Việt Nam – Campuchia phát triển. Phía Campuchia có các chuyến thăm Việt Nam: Phó Thủ tướng Sar Kheng tham dự Hội nghị hợp tác và Phát triển các tỉnh biên giới Việt Nam - Campuchia lần thứ 5 từ ngày 3-5/6 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao và hợp tác quốc tế Hor Nam Hong dự ASEM FMM9 tại Hà Nội tháng 5/2009; Thủ tướng Hun Sen tham dự Hội nghị xúc tiến đầu tư của Việt Nam vào Campuchia (12/2009). Bên cạnh đó phía Việt Nam cũng có những đoàn cấp cao sang thăm chính thức Campuchia: Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Gia Khiêm dự Hội nghị BTNG ASEAN - EU tại Phnom-Penh tháng 5/2009 và gặp gỡ thủ tướng Hun Sen cùng Phó Thủ tướng Bộ trưởng Ngoại giao và Hợp tác quốc tế Campuchia Hor Nam Hong đồng chủ trì Kỳ họp lần thứ 11 Ủy ban hỗn hợp Việt Nam - Campuchia tại thành phố Sihanouk từ 2-4/12; Phó Thủ tướng Trương Vĩnh Trọng thăm Campuchia hai lần từ ngày 25-27/7 và 21-24/9. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã thăm Ủy ban hỗn hợp Việt Nam - Campuchia đã họp kỳ họp thứ 11 từ ngày 26-27/11, thăm chính thức cấp Nhà nước Campuchia từ 2-4/12/2009. Sáu tháng đầu năm 2010, Lãnh đạo hai nước cũng xúc tiến thăm viếng lẫn nhau. Ngày 12/1/2010, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã tiếp Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Vương quốc Campuchia Sar Kheng thăm và làm việc tại Việt Nam.



Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng trao đổi với Phó Thủ tướng Sar Kheng

Kết quả tốt đẹp của các chuyến thăm trên đã góp phần tăng cường hiểu biết tin cậy và hiểu biết lẫn nhau giữa Lãnh đạo và nhân dân hai nước, thắt chặt thêm sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Campuchia.

2. Quan hệ quốc phòng, an ninh

Hợp tác an ninh, quốc phòng tiếp tục được tăng cường. An ninh, ổn định ở khu vực biên giới và an ninh chung của hai nước được giữ vững. Tại chuyến thăm Campuchia của Bộ trưởng Quốc phòng Phùng Quang Thanh từ 20- 22/2/2009 và Bộ trưởng Bộ Công an Lê Hồng Anh từ 16-19/3/2009, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an/ Nội vụ hai nước đã ký kế hoạch hợp tác giai đoạn 2009-2010.

3. Quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư

Hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư đã khởi sắc và có bước tiến triển tích cực. Trong dịp Thủ tướng Hun Sen thăm Việt Nam (ngày 4-5/11/2008), hai nước đã ký 05 Thỏa thuận hợp tác: Hiệp định miễn thị thực cho người mang hộ chiếu phổ thông; Thỏa thuận về điểm nối ray đường sắt (thuộc tuyến đường sắt Singapore- Côn Minh); Hiệp định quá cảnh hàng hóa Việt Nam-Campuchia; Thỏa thuận hợp tác giữa Đài tiếng nói Việt Nam và Đài phát thanh quốc gia Campuchia; Kế hoạch hợp tác trên lĩnh vực thông tin giai đoạn 2009- 2010 giữa bộ Thông tin - Truyền thông Việt Nam với Bộ Thông tin Campuchia. Hai nước cũng đang xúc tiến đàm phán sửa đổi Hiệp định vận tải đường thủy và Nghị định thư thực thi Hiệp định vận tải đường thủy 1998 và một số Hiệp định hợp tác khác trong các lĩnh vực công nghiệp, mỏ và năng lượng.

Về thương mại, Campuchia là nước láng giềng có vị trí quan trọng trong xuất nhập khẩu của Việt Nam. Trong giai đoạn 2001-2008, quan hệ trao đổi hàng hóa trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia phát triển liên tục, tốc độ tăng trưởng luôn giữ ở mức cao. Kim ngạch thương mại hai chiều năm 2007 đạt 1,181 tỷ USD (trong đó Việt Nam xuất khẩu đạt 982 triệu USD, nhập khẩu đạt 199 triệu USD), tăng 27,7% so với năm 2006. Năm 2008, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Campuchia đạt trên 1,64 tỷ USD, tăng 37,5 so với năm 2007. Theo số liệu của Bộ Thương mại Campuchia, hiện tại Việt Nam là nước xuất khẩu lớn nhất vào Campuchia với thị phần 22,3% (thứ hai là Trung Quốc với thị phần 17,7%; thứ ba là Thái Lan với 15,2%). Trong đó, Việt Nam xuất khẩu đạt 1,43 tỷ USD. Với đà tăng trưởng cao như các năm vừa qua, kim ngạch xuất nhập khẩu của hai nước sẽ đạt mục

tiêu 2 tỷ USD vào năm 2010 và 6,5 tỷ USD vào năm 2015. Hiện tại Campuchia là thị trường xuất khẩu lớn thứ 16 của Việt Nam. Campuchia là nước xuất khẩu lớn thứ 25 vào Việt Nam và Việt Nam là thị trường xuất khẩu lớn thứ 3 của Campuchia (chỉ sau Mỹ và EU). Thặng dư thương mại của Việt Nam với Campuchia liên tục tăng qua các năm từ 134,1 triệu USD năm 2001 lên đến 252,7 triệu USD năm 2007, thực hiện cả năm 2008 đạt khoảng 415,1 triệu USD. Mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Campuchia chủ yếu gồm sắt, thép xây dựng, máy móc phục vụ nông nghiệp, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, hàng công nghiệp tiêu dùng, hàng nông sản chế biến, sản phẩm sữa, hải sản và xăng dầu tái xuất; trong số này nhiều mặt hàng dành được thị phần đáng kể và đạt kim ngạch trên 10 triệu USD như vải sợi các loại, vật liệu xây dựng, sắt thép. Về năng lượng, Việt Nam đang bán điện trung - hạ thế cho Campuchia tại 13 điểm tương ứng với 12 cặp cửa khẩu giữa hai nước. Việt Nam nhập khẩu chủ yếu là lúa gạo, cao su, gỗ nguyên liệu... Hiện tại Campuchia đã có lúa dư thừa để xuất khẩu (khoảng 2 triệu tấn) và có nhiều sản, song thiếu thị trường xuất khẩu. Campuchia đề nghị Việt Nam tăng mua lúa gạo của Campuchia; giúp thu mua, đầu tư xây dựng nhà máy chế biến... Campuchia cũng muốn Việt Nam mở các đại lý ở các địa phương Campuchia đặc biệt là ở khu vực biên giới để bán phân bón, thuốc trừ sâu, lúa giống².

Hoạt động thương mại biên giới có vai trò quan trọng trong quan hệ thương mại Việt Nam - Campuchia. Các hoạt động mua bán, trao đổi thương mại chủ yếu diễn ra ở khu vực biên giới hai nước. Doanh nghiệp, thương nhân các tỉnh biên giới đi đầu trong các hoạt động hợp tác đầu tư, sản xuất kinh doanh. Có nhiều

² Số liệu của Bộ Công thương.

chương trình hợp tác, hỗ trợ phát triển giữa các địa phương với nhau trong xây dựng đường giao thông, trường học, chợ biên giới, đào tạo nhân lực... được triển khai thực hiện. Kim ngạch thương mại biên giới Việt Nam - Campuchia cũng tăng cao trong giai đoạn 2001-2008.

Cùng với đà tăng trưởng mạnh của kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước, kim ngạch xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu của 10 tỉnh giáp biên giới với Campuchia cũng tăng trưởng mạnh, năm 2001 đạt 166,436 triệu USD; năm 2002: 173,72 triệu USD; năm 2003: 230,90 triệu USD; năm 2004: 314,29 triệu USD; năm 2005: 409,47 triệu USD; năm 2006: 688,45 triệu USD; năm 2007: 772,06 triệu USD; chiếm 65,66% tỷ trọng kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam - Campuchia; tăng bình quân mỗi năm khoảng trên 19,86 %.³ Trong năm 2008, đạt khoảng 1.077,15 triệu USD tăng 39,52 % so với năm 2007, chiếm 65,66 % tỷ trọng trong kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam - Campuchia.⁴ Hàng hóa được trao đổi tập trung chủ yếu ở các cửa khẩu thuộc tỉnh An Giang và Tây Ninh. Theo số liệu báo cáo của Sở Công Thương và các tỉnh có chung biên giới với Campuchia thì chỉ tính riêng tổng kim ngạch xuất nhập khẩu thương mại biên giới của tỉnh Tây Ninh và An Giang thực hiện năm 2008 đã đạt trên 927,64 triệu USD chiếm đến hơn 86% kim ngạch xuất nhập khẩu biên giới của 10 tỉnh có chung biên giới với Campuchia. Việc tạo thuận lợi cho người và hàng hoá qua lại biên giới được hai bên coi trọng. Hai bên đã ký Hiệp định miễn thị thực cho người mang Hộ chiếu Phổ thông và Hiệp định quá cảnh hàng hoá (tháng 11/2008); tiếp tục dành ưu đãi thuế quan cho 25 mặt hàng nông sản của Campuchia (theo

³ Số liệu của Bộ Công thương

⁴ Số liệu của Bộ Công thương

Bản Thỏa thuận sửa đổi của Bộ Công thương Việt Nam và Bộ Thương mại Campuchia tháng 11/2007, trong đó có hai mặt hàng áp dụng hạn ngạch là gạo và thuốc lá khô). Hai bên cũng đang thúc đẩy thực hiện bước 1 của mô hình kiểm tra “một cửa một lần dừng” tại cặp cửa khẩu Mộc Bài - Ba Vét theo Hiệp định GMS ký tháng 3/2006. Hai bên cũng đã phối hợp tổ chức nhiều hội chợ, triển lãm giới thiệu hàng hoá để trao đổi thương mại biên mậu giữa hai nước. Do hai bên có sự hợp tác tốt nên các hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại đã được kiểm chế và giảm đáng kể.

Đầu tư của ta sang Campuchia được quan tâm thúc đẩy và đã có những bước chuyển. Hiện nay, Việt Nam được cấp phép 39 dự án đầu tư tại Campuchia với trị giá 241 triệu USD.

Ngày 26/12/2009, trước sự chứng kiến của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng và Thủ tướng Chính phủ Hoàng gia Campuchia Samdech Hun Sen; Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC) đã tổ chức khai trương hoạt động chi nhánh BIDC tại T.P Hồ Chí Minh. Đây là chi nhánh đầu tiên nằm trong chiến lược mở rộng hoạt động của BIDC nhằm gắn kết một cách chặt chẽ với cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào Campuchia. Việc ra đời chi nhánh BIDC tại TP Hồ Chí Minh sẽ tạo thêm một kênh trung gian tài chính hỗ trợ hoạt động của các doanh nghiệp mà trước mắt là các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư và kinh doanh thương mại tại Campuchia.

4. Quan hệ văn hoá, giáo dục, xã hội

Hai nước đã ký Hiệp định miễn thị thực cho người mang hộ chiếu phổ thông vào dịp Thủ tướng Hun Sen thăm Việt Nam từ ngày 4-5/11/2008 (*Hiệp định này có hiệu lực từ ngày 5/12/2008*).

Hợp tác trên các lĩnh vực khác như: y tế, giáo dục, khoa học kỹ thuật, văn hoá - thông tin cũng đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Trong lĩnh vực văn hoá: Hai bên đang tích cực triển khai thoả thuận trong lĩnh vực thông tin tuyên truyền; ta phối hợp với Bộ Văn hoá Nghệ thuật Campuchia tổ chức thành công Chương trình giao lưu văn hoá giữa hai nước; Tuần Văn hóa Campuchia tại Việt Nam (tháng 10/2009).



Buổi làm việc giữa Bộ trưởng Bộ VH, TT&DL Hoàng Tuấn Anh và bà Menh Kossony- Quốc vụ khanh Bộ Văn hoá Nghệ thuật Vương quốc Campuchia

Mặt khác, hai nước tiếp tục phối hợp tốt trong ASEAN và trong các khuôn khổ hợp tác khu vực và quốc tế khác như ACMECS, CLMV, GMS, Ủy hội Mêkông, Liên hợp quốc...

Chịu trách nhiệm xuất bản:

VỤ TUYÊN TRUYỀN, THÔNG TIN VÀ TƯ LIỆU

In 2000 cuốn khổ 14.5 x 20.5 cm, tại Công ty Sản xuất Thương mại Hà Nội
GPXB số 78/GP-CXB, cấp ngày 26/7/2010 của Cục Xuất Bản.
In xong nộp lưu chiểu Quý 4/2010.